

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ
Trường Thành**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

M.S.T

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 6
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 69

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4603000078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18 tháng 8 năm 2003, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty, với mã chứng khoán là TTF, được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 1 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh đồ gỗ nội thất và ngoại thất như bàn, ghế, giường, tủ và các sản phẩm khác; trồng rừng và xây dựng các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Đường ĐT 747, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Công ty còn có Văn phòng đại diện tại Lầu 7, Tòa nhà Nguyễn Kim, 99 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Tuyết Hằng	Chủ tịch	bắt nhiệm ngày 13 tháng 8 năm 2016
Ông Võ Trường Thành	Chủ tịch	bắt nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2016
Bà Phạm Thị Huyền Nga	Thành viên	từ ngày 24 tháng 7 năm 2012
Ông Võ Diệp Văn Tuấn	Phó Chủ tịch	bắt nhiệm ngày 13 tháng 8 năm 2016
Bà Nguyễn Thục Hiền	Thành viên	bắt nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Tạ Văn Nam	Thành viên	bắt nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2012
Bà Diệp Thị Thu	Thành viên	bắt nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Bà Nguyễn Mai Hoa	Thành viên	từ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Bà Trần Hoài An	Thành viên	bắt nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2016
Bà Phương Xuân Thụy	Thành viên	bắt nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2016
Ông Trần Việt Anh	Thành viên	bắt nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2016
Ông Đinh Văn Hóa	Thành viên	bắt nhiệm ngày 13 tháng 8 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Trung	Trưởng ban	bắt nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2016
Bà Bùi Thị Kim Tuyến	Thành viên	bắt nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Bà Hoàng Anh Tú	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	bắt nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2012
Bà Trần Lâm Thúy Quyên	Thành viên	bắt nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2016
	Thành viên	từ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2016

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Tuyết Hằng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2016
Ông Võ Trường Thành	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2016
Ông Võ Diệp Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 10 tháng 1 năm 2011
Ông Lê Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 10 tháng 9 năm 2012
Ông Phạm Thanh Tú	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2016
Ông Bùi Thành Đạt	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 16 tháng 2 năm 2016
Bà Dương Trịnh Thùy Như	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 13 tháng 8 năm 2016
Ông Tạ Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2016
Ông Đinh Văn Hóa	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2016
Ông Nguyễn Thiện Tâm	Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2016
Ông Đào Ngọc Quyết	Giám đốc Tài chính	từ nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Tuyết Hằng	từ ngày 26 tháng 7 năm 2016
Ông Võ Trường Thành	cho đến ngày 25 tháng 7 năm 2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc của Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

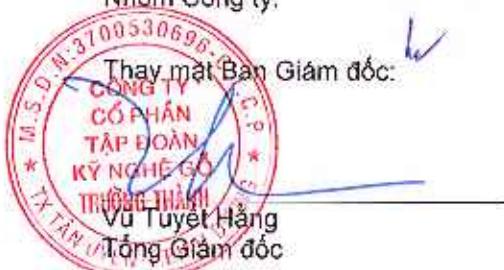
Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 31 tháng 8 năm 2016



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61270704/18663093/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty"), được lập ngày 31 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 59, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận về báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ

Chúng tôi được bổ nhiệm soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty sau ngày 31 tháng 12 năm 2015, và do đó chúng tôi đã không được chứng kiến việc kiểm kê thực tế hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015. Các thủ tục soát xét thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng thích hợp đối với số lượng hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Do số dư hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán tiếp theo của Công ty, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh đổi với số dư hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, và khoản lỗ thuần sau thuế trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 như được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ hay không.

Đồng thời, như được trình bày tại Thuyết minh số 23 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty đã ghi nhận khoản chênh lệch thiểu khi thực hiện kiểm kê hàng tồn kho trong kỳ vào giá vốn hàng bán với giá trị là 931.037.161.562 VND, và do vậy làm giảm giá trị hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 với số tiền tương ứng. Dựa trên các thông tin hiện có, chúng tôi không thể xác định được thời điểm phát sinh khoản chênh lệch thiểu này là trong các kỳ báo cáo trước hay trong kỳ báo cáo hiện hành, do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần điều chỉnh đổi với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 hay không.



Building a better
working world

Ngoài ra, như được trình bày tại Thuyết minh số 22.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đã ghi nhận doanh thu từ các nghiệp vụ bán hàng cho một nhóm khách hàng với tổng số tiền là 230.302.276.000 VND trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Dựa trên các thông tin được cung cấp, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định tính hiện hữu của các nghiệp vụ bán hàng này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh đối với doanh thu và giá vốn hàng bán đã ghi nhận từ các nghiệp vụ bán hàng này cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 hay không.

Từ chối đưa ra kết luận về báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận" như trên, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận nào về báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty.

Kết luận về bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Các vấn đề cản nhân mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.3 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần sau thuế cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 với số tiền là 969.008.176.599 VND và cũng tại ngày này, gánh chịu khoản lỗ lũy kế với số tiền là 1.104.033.627.329 VND. Ngoài ra, vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty cũng đã vượt hơn tài sản ngắn hạn với số tiền là 233.982.510.814 VND. Các điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của chúng tôi để ngày 31 tháng 8 năm 2016 đã từ chối đưa ra kết luận soát xét về báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Việc từ chối đưa ra kết luận soát xét của chúng tôi về báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty, và kết luận soát xét của chúng tôi về bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty không liên quan đến các vấn đề cản nhân mạnh này.



Building a better
working world

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác, phát hành ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 28 tháng 3 năm 2016. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng đã được soát xét bởi doanh nghiệp kiểm toán này, đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đó vào ngày 27 tháng 8 năm 2015.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 8 năm 2016

BÀNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 32)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.024.214.747.919	2.593.023.891.204
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4	86.069.130.493	4.615.301.999
111	1. Tiền		27.764.177.752	4.564.877.018
112	2. Các khoản tương đương tiền		58.304.952.741	50.424.981
120	<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	5	3.110.348.877	125.062.930.061
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.110.348.877	125.062.930.061
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		790.580.911.521	984.168.852.840
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	666.283.921.685	847.450.935.205
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	49.460.427.454	39.301.495.813
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	260.955.663.329	202.830.779.603
136	4. Phái thu ngắn hạn khác	8	50.100.940.650	94.049.544.014
137	5. Dự phòng phái thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 8	(236.220.041.597)	(219.463.901.795)
140	<i>IV. Hàng tồn kho</i>	10	1.106.205.967.780	1.474.350.001.048
141	1. Hàng tồn kho		1.165.694.478.045	1.522.726.721.389
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(59.488.510.265)	(48.376.720.341)
150	<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		38.248.389.248	24.826.805.256
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	752.389.711	1.033.542.305
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	37.495.999.537	23.793.262.951
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		659.496.321.749	589.232.145.770
210	<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>		24.817.842.317	29.340.983.385
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6	27.051.529.083	25.865.164.805
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	17.907.996.219	17.967.996.219
219	3. Dự phòng phái thu dài hạn khó đòi	6, 8	(20.141.682.985)	(14.492.177.639)
220	<i>II. Tài sản cố định</i>		88.285.655.741	79.614.802.279
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	88.258.541.680	79.575.174.046
222	Nguyên giá		119.684.703.908	113.184.767.946
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(31.426.162.228)	(33.609.593.900)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	27.114.061	39.628.233
228	Nguyên giá		494.272.894	494.272.894
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(467.158.833)	(454.644.661)
240	<i>III. Tài sản dở dang dài hạn</i>		34.742.103.146	7.248.328.280
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	34.742.103.146	7.248.328.280
250	<i>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	15	153.900.800.704	414.760.570.989
251	1. Đầu tư vào công ty con		418.524.487.443	373.385.487.443
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		173.135.473.000	173.135.473.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		279.784.766	279.784.766
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(138.038.944.505)	(132.040.174.220)
260	<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>		57.749.919.841	58.267.460.837
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	57.749.919.841	58.267.460.837
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.683.711.069.668	3.182.256.036.974

BẢNG CÂN ĐỒI KÊ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 32)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.261.743.599.233	1.841.627.790.940
310	I. Nợ ngắn hạn		2.258.197.258.733	1.838.031.275.440
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	164.671.731.391	227.681.902.584
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	67.813.521.585	54.251.268.300
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	5.436.748.816	37.318.444.525
314	4. Phải trả người lao động		25.733.479.025	34.937.099.145
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	84.323.494.717	26.233.108.003
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	61.818.182
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	138.961.342.639	183.758.712.310
320	8. Vay ngắn hạn	20	1.770.368.063.787	1.272.424.173.165
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		888.876.773	1.364.749.226
330	II. Nợ dài hạn		3.546.340.500	3.596.515.500
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	1.586.928.000	1.586.928.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		1.959.412.500	2.009.587.500
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		421.967.470.435	1.340.628.246.034
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	421.967.470.435	1.340.628.246.034
411	1. Vốn cổ phần		1.446.078.400.000	1.400.939.400.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.446.078.400.000	1.400.939.400.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		51.798.842.848	51.798.842.848
413	3. Quyền chọn chuyển đổi vay		11.952.019.619	6.743.618.619
415	4. Cổ phiếu quỹ		(4.640.000)	(4.640.000)
418	5. Quỹ đầu tư, phát triển		16.176.475.297	16.176.475.297
421	6. Lỗ lũy kế		(1.104.033.627.329)	(135.025.450.730)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(135.025.450.730)	(41.379.773.797)
421b	- Lỗ lũy kế kỳ này		(969.008.176.599)	(93.645.676.933)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.683.711.069.668	3.182.256.036.974

Nguyễn Ngọc Lễ
Người lập
Nguyễn Tân Thụ
Kế toán trưởngVũ Tuyết Hằng
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 32)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	745.580.446.511	1.239.232.250.251
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	745.580.446.511	1.239.232.250.251
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23, 28	(1.580.484.467.607)	(1.117.366.632.023)
20	4. (Lỗ) Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(834.904.021.096)	121.865.618.228
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	37.174.807.625	8.425.974.205
22	6. Chi phí tài chính	24	(105.703.633.389)	(19.939.887.131)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(93.165.962.398)	(46.984.767.487)
25	7. Chi phí bán hàng	26, 28	(8.828.412.379)	(9.113.417.219)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27, 28	(66.822.781.757)	(46.971.141.749)
30	9. (Lỗ) Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(979.084.040.996)	54.267.146.334
31	10. Thu nhập khác	25	16.824.319.135	87.393.282.860
32	11. Chi phí khác	25	(6.748.454.738)	(7.555.231.338)
40	12. Lợi nhuận khác	25	10.075.864.397	79.838.051.522
50	13. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(969.008.176.599)	134.105.197.856
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	-	(32.544.490.899)
60	15. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(969.008.176.599)	101.560.706.957

Nguyễn Ngọc Lễ
Người lập

Nguyễn Tân Thủ
Kế toán trưởng



VŨ TUYẾT HÀNG
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 32)
01	I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Lỗ) lợi nhuận trước thuế <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> 02 Khấu hao và hao mòn 03 Các khoản dự phòng 04 (Lỗ) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ 05 Lãi từ hoạt động đầu tư 06 Chi phí lãi vay		(969.008.176.599)	134.105.197.856
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động 09 Giảm (tăng) các khoản phải thu 10 Giảm (tăng) hàng tồn kho 11 Giảm các khoản phải trả 12 Giảm (tăng) chi phí trả trước 14 Tiền lãi vay đã trả 17 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11, 12 24	3.603.775.407 22.709.890.555 (15.781.024.336) (16.270.153.839) 93.165.962.398	2.402.867.245 3.012.784.819 5.402.997.870 (7.934.574.741) 46.984.767.487
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(881.579.726.414)	183.974.040.536
21	II. LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ 21 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		214.121.003.922	(46.366.718.631)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		357.032.243.344	(100.235.787.116)
23	Tiền chi cho vay		(140.752.294.768)	(118.306.482.994)
24	Tiền thu hồi cho vay		798.693.590	(24.444.462.505)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(29.620.915.009)	(26.124.185.886)
26	Tiền thu hồi từ bán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(574.464.215)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức nhận được		(480.575.459.550)	(131.503.596.596)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(43.706.900.038)	(3.174.709.285)
			863.636.363	495.000.000
			(25.555.115.726)	(44.676.768.438)
			113.500.240.542	-
			-	(5.650.000.000)
			12.387.220.969	11.999.120.000
			1.484.687.075	1.262.025.929
			58.694.109.827	(39.745.331.794)

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 32)
31	III. LƯU CHUYÊN TIỀN TỰ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		5.208.401.000	172.667.850.000
34	Tiền thu từ vay		948.350.668.896	555.544.540.046
	Tiền chi trả nợ gốc vay		(450.295.394.016)	(504.770.170.024)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		503.263.675.880	223.442.220.022
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		81.382.326.157	52.193.291.632
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		4.615.301.999	82.540.937.708
61	Ánh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		71.502.337	44.296.304
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	86.069.130.493	134.778.525.644

Nguyễn Ngọc Lễ
Người lập

Nguyễn Tân Thụ
Kế toán trưởng



Vũ Tuyết Hàng
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4603000078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18 tháng 8 năm 2003, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty, với mã chứng khoán là TTF, được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 1 tháng 2 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, chế biến, kinh doanh đồ gỗ nội thất và ngoại thất như bàn, ghế, giường, tủ và các sản phẩm khác; trồng rừng và xây dựng các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Đường ĐT 747, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Công ty còn có Văn phòng đại diện tại Lầu 7, Tòa nhà Nguyễn Kim, 99 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng, trừ hoạt động trồng rừng có chu kỳ sản xuất, kinh doanh dự kiến từ 8 đến 12 năm.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 2.766 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 2.515 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 15. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Giá định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được lập với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần sau thuế cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 với số tiền là 969.008.176.599 VND và cũng tại ngày này, gánh chịu khoản lỗ lũy kế với số tiền là 1.104.033.627.329 VND. Ngoài ra, vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty cũng đã vượt tài sản ngắn hạn với số tiền là 233.982.510.814 VND. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty nếu không nhận được sự hỗ trợ liên tục về mặt tài chính từ các cổ đông. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát ("Tân Liên Phát"), cổ đông sở hữu 49,9% cổ phần của Công ty, cùng các cổ đông khác, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty đang thu xếp và tìm kiếm các giải pháp nhằm duy trì hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty trong kỳ tiếp theo. Đồng thời, Hội đồng Quản trị của Công ty sẽ đàm phán với Tân Liên Phát để thực hiện tiếp các Hợp đồng vay chuyển đổi (có giá trị 1.202 tỷ) đã được ký kết. Trong trường hợp các điều khoản khác so với Hợp đồng đã được ký kết và thông qua thì sẽ trình thông qua tại Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Vì vậy, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bao gồm các bút toán điều chỉnh liên quan đến khả năng thu hồi và việc phân loại các khoản mục tài sản đã hạch toán hoặc các khoản mục và việc phân loại các khoản mục công nợ có thể cần thiết trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Giả định này được lập trên cơ sở dự đoán các sự kiện diễn ra trong tương lai và kết quả của các sự kiện này có thể không chắc chắn.

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thành phẩm - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê, tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rõ ràng và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 14 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc sửa chữa văn phòng, nhà xưởng, mua sắm máy móc, thiết bị của Công ty mà chưa được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất. Khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89"). Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.14 Vay chuyển đổi

Vay chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phản quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày giải ngân, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong khoản vay chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi vay) về giá trị hiện tại theo lãi suất của khoản vay không chuyển đổi tương tự trên thị trường. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ cho đến khi được hủy bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ giải ngân khoản vay chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

3.16 Cổ phiếu quý

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quý) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chi tiêu sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm giao hàng hóa.

Doanh thu hợp đồng thi công lắp đặt

Khi kết quả thực hiện hợp đồng thi công lắp đặt có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và xuất hóa đơn vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng/giảm khối lượng lắp đặt, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng và được khách hàng xác nhận và xuất hóa đơn tài chính.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng lắp đặt không thể ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Giá vốn công trình được ghi nhận dựa theo tỷ lệ khối lượng công việc hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tỷ lệ lãi gộp công trình dự tính. Ban Giám đốc có trách nhiệm theo dõi, cập nhật và điều chỉnh tỷ lệ lãi gộp định kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở đòn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bao đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kê toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền mặt	589.094.969	511.940.030
Tiền gửi ngân hàng	27.175.082.783	4.052.936.988
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>58.304.952.741</u>	<u>50.424.981</u>
TỔNG CỘNG	<u>86.069.130.493</u>	<u>4.615.301.999</u>

(*) Bao gồm trong các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tiết kiệm với số tiền 50.193.750.000 VND có kỳ hạn một tháng, hưởng lãi suất 4,5%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Chi nhánh Hồ Chí Minh đã được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay của Công ty tại ngân hàng này (Thuyết minh số 20.1).

Các khoản tương đương tiền còn lại thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4% đến 6,9%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND	VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	3.110.348.877	116.330.930.061
Các khoản đầu tư khác	<u>-</u>	8.732.000.000
TỔNG CỘNG	<u>3.110.348.877</u>	<u>125.062.930.061</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng và dưới một năm và hưởng lãi suất dao động từ 4% đến 6,9%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu khách hàng

	VND	VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Phải thu từ các bên khác	475.095.055.901	539.632.577.025
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Hoàng Nam	80.537.299.379	80.522.049.379
- AFI	74.485.614.649	102.972.834.572
- GME	63.992.479.764	66.332.362.844
- Các khách hàng khác	<u>256.079.662.109</u>	<u>289.805.330.230</u>
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	<u>191.188.865.784</u>	<u>307.818.358.180</u>
TỔNG CỘNG	<u>666.283.921.685</u>	<u>847.450.935.205</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	222.499.635.948	218.936.404.324

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán

	VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
Ngắn hạn				<i>(Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 32)</i>
Trả trước cho các bên khác		41.991.381.717	38.327.912.858	
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Phương Mai		24.874.230.764	24.874.230.764	
- Công ty Cổ phần Vận tải Vũ Thành		4.288.214.702	3.791.890.937	
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Phước An		1.306.902.878	3.602.419.393	
- Các nhà cung cấp khác		11.522.033.373	6.059.371.764	
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)		7.469.045.737	973.582.955	
TỔNG CỘNG	49.460.427.454	39.301.495.813		
Dài hạn				
Trả trước cho các bên khác		12.487.270.441	12.487.270.441	
- Công ty TNHH MTV Thương mại Giáy Hưng Thịnh		3.778.606.455	2.999.678.000	
- Công ty TNHH Xây dựng N.D.G		2.350.000.000	2.350.000.000	
- Công ty Cổ phần Thành Phát		8.435.652.187	8.028.216.364	
TỔNG CỘNG	27.051.529.083	25.865.164.805		
Dự phòng các khoản trả trước khó đòi		29.432.254.953	10.589.841.429	
<i>Trong đó:</i>				
Ngắn hạn		13.192.906.178	-	
Dài hạn		16.239.346.775	10.589.841.429	

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGÂN HẠN

	VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu về cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 30)		259.996.787.603	202.250.779.603
Phải thu về cho các bên khác vay		958.875.726	580.000.000
TỔNG CỘNG	260.955.663.329	202.830.779.603	
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi		154.000.000	154.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 32)
Ngắn hạn		
Cho vay không lãi suất	7.487.618.490	20.667.408.643
Tạm ứng cho nhân viên	2.765.973.286	2.414.169.708
Ký quỹ	1.565.540.064	2.280.230.227
Lãi cho vay	812.565.971	248.240.090
Lãi tiền gửi ngân hàng	615.342.723	364.044.838
Khác	31.685.346	31.278.122
Phái thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	36.822.214.770	68.044.172.386
TỔNG CỘNG	50.100.940.650	94.049.544.014
Dài hạn		
Cho Công ty TNHH Xây dựng Đồng Long vay	16.998.156.923	16.998.156.923
Ký quỹ	909.839.296	969.839.296
TỔNG CỘNG	17.907.996.219	17.967.996.219
Dự phòng phải thu khác khó đòi	4.275.833.681	4.275.833.681
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ngắn hạn</i>	373.497.471	373.497.471
<i>Dài hạn</i>	3.902.336.210	3.902.336.210

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo),
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày

9. NỢ XÂU

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Đã điều chỉnh lại - Thuỷết minh số 32)	VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ước tính	Giá gốc	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi ước tính
Quá hạn thanh toán từ 6 tháng đến dưới 1 năm					
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hung Long Phát	2.184.240.540	1.874.356.460	-	-	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Vũ Thành HLI	4.288.214.702	3.719.927.140	-	-	-
- Khác	470.800.000	329.560.000	-	-	-
Quá hạn thanh toán từ 1 năm đến dưới 2 năm					
- Công ty TNHH MTV Thương mại Giấy Hưng Thịnh	2.350.000.000	1.175.000.000	12.487.270.441	6.243.635.221	6.243.635.221
- Công ty Cổ phần Thành Phát	24.874.230.764	12.437.115.382	2.350.000.000	1.175.000.000	1.175.000.000
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Phương Mai	10.485.490.501	5.850.536.751	2.972.454.837	-	-
Quá hạn thanh toán từ 2 năm đến dưới 3 năm					
- Công ty TNHH MTV Thương mại Giấy Hưng Thịnh	12.487.270.441	3.746.181.132	602.408.094	-	181.553.605
- Khác	602.408.094	180.722.428	-	-	-
Quá hạn thanh toán từ 3 năm trở lên					
- Công ty Cổ phần Ecocon Hà Nội	766.040.000	-	766.040.000	-	-
- Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Bình Dương	779.709.291	-	779.709.291	-	-
- Khác	734.453.753	-	734.914.249	2.493.750	2.493.750
Khả năng thu hồi thấp					
- AFI	74.485.614.649	3.406.747.419	102.972.834.572	31.327.490.611	31.327.490.611
- GME	63.992.479.764	21.068.646.942	66.332.362.844	23.066.440.263	23.066.440.263
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Hoàng Nam	80.537.299.379	31.407.595.572	80.522.049.379	40.261.024.689	40.261.024.689
- Khác	161.163.163.368	98.860.817.253	166.760.859.272	99.580.957.987	99.580.957.987
TỔNG CỘNG	440.928.085.732	184.566.361.150	437.280.902.979	203.324.823.545	203.324.823.545

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

Bossa-DN

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 32)
	Giá gốc	Dư phòng
Hàng đang ở trên đường	871.999.589	576.623.405
Nguyên vật liệu	619.558.568.262	(41.382.104.486) (30.270.314.562)
Vật liệu phụ	19.399.907.646	(516.476.264) (516.476.264)
Công cụ, dụng cụ	879.985.338	-
Chi phí sản xuất kinh doanh đã dang	441.929.870.162	780.262.882
Chi phí dở dang hàng sản xuất	303.539.192.155	(13.230.539.353) (13.230.539.353)
Chi phí dở dang công trình lắp đặt	48.247.654.915	(1.730.539.353) (1.730.539.353)
Chi phí trồng rừng Huyện Krông Păk, Tỉnh Đăk Lăk	56.643.023.092	-
Bất động sản (*)	33.500.000.000	(11.500.000.000) (11.500.000.000)
Thành phẩm	68.824.865.194	(4.359.390.162) (4.359.390.162)
Hàng hóa	14.010.582.940	-
Hàng gửi đi bán	218.698.914	-
TỔNG CỘNG	1.165.694.478.045	(59.488.510.265)
		1.522.726.721.389
		(48.376.720.341)

(*) Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 7 tháng 1 năm 2008, Công ty nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các Thửa đất số 77, 78A, 79A và 80A có tổng diện tích là 10.320 m² tọa lạc tại Ấp Đồng Chiêu, Xã Tân Đồng Hiệp, Huyện Điện Biên, Tỉnh Điện Biên Dương từ Ông Phạm Hoài Nam với tổng giá trị là 33.500.000.000 VND. Sau đó, Công ty ký kết thỏa thuận chi phí bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất số 01-2014/TBTT-TTF với Công ty Cổ phần Địa ốc Đại A ("Địa ốc Đại A") ngày 19 tháng 7 năm 2014, Công ty nhận tiền bồi thường liên quan đến các thửa đất này với giá trị là 22.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các thủ tục liên quan đến việc nhân chuyển nhượng từ Ông Phạm Hoài Nam và chuyển lại cho Địa ốc Đại A vẫn chưa được Công ty hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số đầu kỳ	(48.376.720.341)	(7.372.860.741)	-
Dự phòng trích lập trong năm	<u>(11.111.789.924)</u>		
Số cuối kỳ	<u>(59.488.510.265)</u>	<u>(7.372.860.741)</u>	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
<i>VND</i>					
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	73.198.619.729	26.281.312.064	12.659.366.843	1.045.469.310	113.184.767.946
Mua trong kỳ	14.065.254.122	1.175.925.000	665.000.000	-	15.906.179.122
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	306.946.050	-	-	306.946.050
Thanh lý	-	(6.003.304.227)	(1.884.424.781)	-	(1.884.424.781)
Xóa sổ	-	(939.716.328)	(847.579.394)	(38.164.480)	(6.889.048.101)
Khác	-	-	-	-	(939.716.328)
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	86.324.157.523	21.760.878.887	10.592.362.668	1.007.304.830	119.684.703.908
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	886.149.611	14.241.041.503	3.467.071.174	784.526.810	19.378.789.098
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	(7.813.760.930)	(17.711.280.106)	(7.212.327.974)	(872.224.890)	(33.609.593.900)
Khấu hao trong kỳ	(2.192.284.328)	(867.019.246)	(499.859.500)	(32.098.161)	(3.591.261.235)
Thanh lý	-	-	1.539.977.512	-	1.539.977.512
Xóa sổ	-	3.522.693.276	673.857.639	38.164.480	4.234.715.395
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	(10.006.045.258)	(15.055.606.076)	(5.498.352.323)	(866.158.571)	(31.426.162.228)
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	65.384.858.799	8.570.031.958	5.447.038.869	173.244.420	79.575.174.046
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	76.318.112.265	6.705.272.811	5.094.010.346	141.146.259	88.258.541.680

Tất cả tài sản có định giá đã được dùng để thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
<i>Phần mềm máy tính</i>	
Nguyên giá:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>494.272.894</u>
<i>Trong đó:</i>	
Đã hao mòn hết	<u>291.680.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>(454.644.661)</u>
Hao mòn trong năm	<u>(12.514.172)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>(467.158.833)</u>
Giá trị còn lại:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>39.628.233</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>27.114.061</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DÀNG

	VND	VND
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 32)</i>
Mua sắm máy móc, thiết bị	18.618.273.843	28.054.614
Xây dựng nhà kho, trưng bày	<u>16.123.829.303</u>	<u>7.220.273.666</u>
TỔNG CỘNG	<u>34.742.103.146</u>	<u>7.248.328.280</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	VND	VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	(Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 32)
Ngắn hạn			
Công cụ, dụng cụ	496.877.948	482.835.754	
Chi phí bảo hiểm	135.973.889	425.167.238	
Khác	119.537.874	125.539.313	
	752.389.711	1.033.542.305	
Dài hạn			
Chi phí thuê đất (*)	42.240.646.852	42.442.673.605	
Công cụ, dụng cụ	15.227.118.002	15.110.005.027	
Khác	282.154.987	714.782.205	
	57.749.919.841	58.267.460.837	
TỔNG CỘNG	58.502.309.552	59.301.003.142	

(*) Chi tiết bao gồm:

- Ngày 2 tháng 8 năm 2010, Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 1868/HĐTD với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương ("UBNDBD") và các phụ lục sửa đổi bổ sung để thuê lại thửa đất số 905 có diện tích 4.417 m² tọa lạc tại Xã Bình Chuẩn, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương trong 49 năm. Theo đó, Công ty đã thanh toán số tiền thuê là 2.477.053.600 VND và có được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ("GCNQSDĐ") ngày 9 tháng 11 năm 2009. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, chi phí thuê đất còn lại chưa phân bổ là 2.104.170.460 VND.
- Ngày 27 tháng 1 năm 2011, Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 001/HĐTD-CCN với Công ty Cổ phần Lâm sản & Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương ("GENIMEX") và các phụ lục sửa đổi bổ sung để thuê lại thửa đất số 183 có diện tích 25.821,8 m² tọa lạc tại Cụm Công nghiệp Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Uyên Hưng, Tỉnh Bình Dương trong 50 năm. Theo đó, Công ty đã thanh toán số tiền thuê là 20.773.881.332 VND và có được GCNQSDĐ số B1 674485 ngày 22 tháng 6 năm 2012. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, chi phí thuê đất còn lại chưa phân bổ là 18.219.112.014 VND.
- Ngày 8 tháng 12 năm 2011, Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 004/HĐTD-CCN với GENIMEX và các phụ lục sửa đổi bổ sung để thuê lại thửa đất số 214 có diện tích 27.457,7 m² tọa lạc tại Cụm Công nghiệp Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Uyên Hưng, Tỉnh Bình Dương trong 49 năm. Theo đó, Công ty đã thanh toán số tiền thuê là 24.258.621.295 VND và có được GCNQSDĐ số CB 049399 ngày 17 tháng 12 năm 2015. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, chi phí thuê đất còn lại chưa phân bổ là 21.917.364.378 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	VND
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 32)</i>
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 15.1</i>)	418.524.487.443	373.385.487.443
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (<i>Thuyết minh số 15.2</i>)	173.135.473.000	173.135.473.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	279.784.766	279.784.766
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (<i>Thuyết minh số 15.1 và 15.2</i>)	<u>(138.038.944.505)</u>	<u>(132.040.174.220)</u>
TỔNG CỘNG	<u>453.900.800.704</u>	<u>414.760.570.989</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Tên công ty	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Đã điều chỉnh lại - Thay thế minh số 32)						Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ số hữu (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị còn lại số hữu (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND		
Công ty Cổ phần Chè biển Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)	100,00	126.139.000.000	-	126.139.000.000	64,21	81.000.000.000	-	Sản xuất đồ gỗ
Công ty Cổ phần Văn Công nghiệp Trường Thành Công ty Cổ phần Trường Thành	100,00	51.000.000.000	51.000.000.000	-	100,00	51.000.000.000	-	Sản xuất văn phòng
Công ty Cổ phần Chè biển Gỗ Trường Thành (Đắk Lăk 2)	70,00	21.000.000.000	17.557.694.208	3.442.305.792	70,00	21.000.000.000	14.559.390.596	Sản xuất đồ gỗ
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Trường Thành Đắk Nông	100,00	53.347.393.305	22.572.528.412	30.774.864.893	100,00	53.347.393.305	22.627.448.503	Trồng rừng
99,97	59.564.847.684	9.730.341.086	49.834.506.586	99,97	59.564.847.684	9.533.826.674	50.031.021.010	Phú Yên
94,75	1.777.000.000	1.777.000.000	-	94,75	1.777.000.000	1.777.000.000	-	Đắk Nông
Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành Công ty Cổ phần Chè biển Gỗ Trường Thành M'Drak Công ty Cổ phần Thương mai XNK Trường Thành Đắk Nông	97,50	12.480.000.000	6.610.349.571	5.869.650.429	97,50	12.480.000.000	6.704.785.476	TP. HCM
90,25	9.885.456.454	653.028.888	9.232.427.566	90,25	9.885.456.454	97.971.828	9.787.484.626	Đắk Lăk
94,75	18.950.000.000	-	18.950.000.000	94,75	18.950.000.000	-	18.950.000.000	Sản xuất đồ gỗ
Công ty Cổ phần Công nghiệp Gỗ Trường Thành Công ty Cổ phần Trồng rừng Trường Thành Công ty Cổ phần Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành - Ea Hleo	68,52	12.571.430.000	-	12.571.430.000	68,52	12.571.430.000	-	Trồng rừng
TỔNG CỘNG	418.524.487.443	129.134.992.969	289.389.494.474			373.385.487.443	123.301.063.613	250.084.423.830

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Điểm Ngành nghề
kinh doanh

Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị còn lại sở hữu (%)	Tỷ lệ (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Đã điều chỉnh lãi - Thayết minh số 32)		Điểm Ngành nghề kinh doanh	
					Giá gốc VND	Dự phòng VND		
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành Quí	51,00	94.930.473.000	5.955.728.023	88.974.744.977	51,00	94.930.473.000	5.947.562.624	88.982.910.376
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	26,74	52.680.000.000	1.281.710.704	51.398.289.296	27,88	52.680.000.000	1.154.166.539	51.525.833.461
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường Thành	26,59	23.525.000.000	418.360.863	23.106.639.137	35,17	23.525.000.000	411.163.815	23.113.836.185
Công ty Cổ phần Bao bì Trường Thành	43,76	2.000.000.000	1.248.151.946	751.848.054	43,76	2.000.000.000	1.226.217.629	773.782.371
TỔNG CỘNG	173.135.473.000	8.903.951.536	164.231.521.464		173.135.473.000	8.739.110.607	164.396.362.393	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

16.1 Phải trả người bán

	VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 32)
Ngắn hạn			
Phải trả cho các bên khác	104.936.764.406	46.358.302.854	-
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng DLC	31.799.689.004	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nông Lâm Nghiệp Trường Sơn	22.221.978.583	-	-
- Phải trả nhà cung cấp khác	50.915.096.819	46.358.302.854	-
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	<u>59.734.966.985</u>	<u>181.323.599.730</u>	-
TỔNG CỘNG	<u>164.671.731.391</u>	<u>227.681.902.584</u>	

16.2 Người mua trả tiền trước

	VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 32)
Ngắn hạn			
Trả trước từ các bên khác	54.100.836.790	54.228.423.439	-
- Công ty Cổ phần Địa ốc Đại Á	22.000.000.000	22.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Khách sạn & Du lịch Thiên Thai	11.535.677.146	3.190.641.063	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Nguyễn Hà	411.660	7.828.240.730	-
- Khách hàng khác	20.564.747.984	21.209.541.646	-
Trả trước từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	<u>13.712.684.795</u>	<u>22.844.861</u>	-
TỔNG CỘNG	<u>67.813.521.585</u>	<u>54.251.268.300</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	VND
Phải thu					
Thuế giá trị gia tăng	22.302.456.300	47.909.649.816	(32.716.106.579)	37.495.999.537	
Khác	1.490.806.651	-	(1.490.806.651)	-	
	23.793.262.951	47.909.649.816	(34.206.913.230)	37.495.999.537	
Phải nộp					
Thuế thu nhập cá nhân	3.860.967.342	-	(438.365.457)	3.422.601.885	
Thuế giá trị gia tăng	368.329.187	3.004.190.113	(1.742.639.346)	1.629.879.954	
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 29.1)	32.976.239.051	-	(32.707.317.579)	268.921.472	
Khác	112.908.945	2.436.560	-	115.345.505	
	TỔNG CỘNG	37.318.444.525	3.006.626.673	(34.888.322.382)	5.436.748.816

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
			(Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 32)
Lãi vay	83.576.807.041	24.985.168.866	
Khác	746.687.676	1.247.939.137	
	TỔNG CỘNG	84.323.494.717	26.233.108.003

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	VND
Ngắn hạn			
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	45.221.044.242	44.009.557.746	
Lãi chậm nộp bảo hiểm	12.412.483.174	15.794.988.002	
Lợi nhuận phải trả từ hợp tác với DLC	3.684.971.099	3.684.971.099	
Kinh phí công đoàn	1.328.639.466	272.730.480	
Tài sản thừa chờ giải quyết	310.879.478	313.879.478	
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	504.000.000	818.000.000	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.177.520.758	79.733.951.083	
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	63.321.804.422	39.130.634.422	
	TỔNG CỘNG	138.961.342.639	183.758.712.310
Dài hạn			
Các khoản phải trả khác	1.586.928.000	1.586.928.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY NGÂN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 32)	VND
Vay ngân hàng (<i>Thuyết minh số 20.1</i>)	573.566.460.322	641.312.372.894	
Vay chuyển đổi (<i>Thuyết minh số 20.3</i>)	1.196.801.603.465	598.656.595.251	
Vay các bên liên quan	-	32.455.205.020	
TỔNG CỘNG	1.770.368.063.787	1.272.424.173.165	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY NGÂN HẠN (tiếp theo)

20.1 Vay ngân hàng

		VND			
		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá
Vay ngân hàng	641.312.372.894	350.317.044.940	(417.951.573.254)	(111.384.258)	573.566.460.322
Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:					
Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND	USD		%/năm	
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á, Chi nhánh Bình Dương ("Viet A Bank")</i>					
Hợp đồng số 210-15/14/VAB/HĐNNHDN	171.876.896.444	-	Từ ngày 26 tháng 6 năm 2016 đến ngày 17 tháng 11 năm 2016	11 - 11,88	Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng số 01/15/OUT/TTF-KFH, TTF-ASA/01-15, 1103/2015 TTF-DLC, 0115/TTF- ANS và D9/15/TTF-MAN
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á, Chi nhánh Bình Dương ("Viet A Bank")</i>					
Hợp đồng số 210-2/16/VAB/HĐNNHDN ngày 29 tháng 12 năm 2015 - VND	162.760.703.800	-	Từ ngày 4 tháng 12 năm 2016 đến ngày 14 tháng 3 năm 2017	11	Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng số 01/15/NTTF-ASH, TTF-RC/150112, 1009/16IN/TTF-FGG và hàng hóa, nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang và thành phẩm hình thành trong tương lai
- USD	12.448.875.640	557.246	Ngày 14 tháng 2 năm 2017	4,4 - 5	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

BOSA-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIỀM ĐÓ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY NGÂN HẠN (tiếp theo)

20.1 Vay ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Nguyên tệ VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi USD	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á, Chi nhánh Bình Dương ("Dong A Bank")					
Hợp đồng số H0367/1N ngày 25 tháng 6 năm 2015	124.502.700.000	-	Từ ngày 27 tháng 7 năm 2016 đến ngày 23 tháng 9 năm 2016	8,5	19.541,14 m³ gỗ nguyên liệu các loại và thành phẩm của Công ty
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội, Chi nhánh Phú Nhuận ("SHB")					
Hợp đồng số 02/2013/HĐHM- PN SHB.PN ngày 9 tháng 4 năm 2013 - VND - USD	41.520.634.438 15.023.650.000	- 672.500	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2014 đến ngày 24 tháng 12 năm 2014 Từ ngày 21 tháng 10 năm 2014 đến ngày 6 tháng 12 năm 2014	11,5 - 13,2 4,4 - 5	Quyền đòi nợ hình thành từ các hợp đồng xuất khẩu, hàng tồn kho và các tài sản hình sử dụng đất thuộc quyền sở hiu của Công ty Cổ phần Trồng rừng Trường Thành, công ty con của Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

BOSA-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TẠI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIỀN ĐỎ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY NGÂN HẠN (tiếp theo)

20.1 Vay ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Nguyên tệ USD	Kỳ hạn trả gốc và lãi Ngày 24 tháng 11 năm 2016	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("Vietinbank")					
Hợp đồng số 16.2830088/2016-HĐTD/NHCT900-TTF ngày 24 tháng 5 năm 2016	29.926.000.000	-	Ngày 24 tháng 11 năm 2016	3	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Vietinbank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Hợp đồng số 24.0.39001/2016-HĐTDHM/NHCT900-TTF	15.507.000.000	-	Ngày 15 tháng 3 năm 2017	7,5	Một phần quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất, nhà xưởng, máy móc thiết bị của Công ty, Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành và Công ty Cổ phần Văn Công nghiệp Trường Thành
TỔNG CỘNG	573.566.460.322	1.229.746			
Công ty sử dụng các khoản vay này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.					
20.2 Vay ngân hàng quá hạn chưa thanh toán					
			Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
			Gốc	Gốc	Lãi
Viet A Bank	94.775.896.444	-	45.884.613.334	-	-
SHB	56.544.284.438	-	57.221.306.938	-	-
Dong A Bank	-	-	100.217.792.000	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chung	-	6.661.494.140	-	6.661.494.140	
TỔNG CỘNG	151.320.180.882	6.661.494.140	203.323.712.272	6.661.494.140	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

BOSA-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIỀN ĐQ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY NGÂN HẠN (tiếp theo)

20.3 Vay chuyển đổi

Khoản vay chuyển đổi bao gồm hai hợp đồng với chi tiết như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Giải ngân	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Hợp đồng vay ngày 18 tháng 9 năm 2015 (*)	603.500.000.000	-	603.500.000.000
Hợp đồng vay ngày 11 tháng 1 năm 2016 (**)	-	598.400.000.000	598.400.000.000
TỔNG CỘNG	603.500.000.000	598.400.000.000	1.201.900.000.000
VND			
 <i>Hợp đồng vay ngày 11 tháng 1 năm 2016</i>			
<i>Hợp đồng vay ngày 18 tháng 9 năm 2015</i>			
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	603.500.000.000	598.400.000.000	1.201.900.000.000
Giá trị vay chuyển đổi	6.743.618.619	5.208.401.000	11.952.019.619
Cơ cấu vốn chủ sở hữu (Thuyết minh số 21)			
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	596.756.381.381	593.191.599.000	1.189.947.980.381
Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu	4.576.221.524	2.277.401.560	6.853.623.084
Số đầu kỳ	1.900.213.870	-	1.900.213.870
Số phân bổ tăng trong kỳ	2.676.007.654	2.277.401.560	4.953.409.214
Số cuối kỳ	4.576.221.524	2.277.401.560	6.853.623.084
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối kỳ	601.332.602.905	595.469.000.560	1.196.801.603.465

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY NGÂN HẠN (tiếp theo)

20.3 Vay chuyển đổi (tiếp theo)

(*) Ngày 18 tháng 9 năm 2015, Công ty ký kết hợp đồng vay chuyển đổi với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đại An ("Đại An") có giá trị là 603.500.000.000 VND và có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty. Hợp đồng vay này có thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với lãi suất là 10%/năm và số tiền lãi sẽ được thanh toán mỗi ngày tròn 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Công ty sử dụng các khoản vay này nhằm mục đích tái cơ cấu nợ và bổ sung vốn hoạt động. Công ty cấp cho Đại An trên cơ sở không hủy ngang ("Quyền chuyển đổi") vào bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn từ ngày thứ một trăm ba mươi (130) đến ngày thứ một trăm hai mươi (120) trước ngày đáo hạn với mức giá chuyển đổi cố định là 14.200 VND/cổ phần. Ngày 19 tháng 11 năm 2015, Công ty, Đại An và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát ("Tân Liên Phát") ký kết thỏa thuận chuyển giao và sửa đổi hợp đồng vay chuyển đổi. Theo đó, Tân Liên Phát sẽ kế thừa tất cả các quyền, nghĩa vụ, và lợi ích của Đại An trong hợp đồng vay chuyển đổi đã đề cập. Ngày 11 tháng 1 năm 2016, Công ty ký kết thỏa thuận sửa đổi lần 2 hợp đồng vay chuyển đổi với Tân Liên Phát, thay đổi thời hạn chuyển đổi từ "từ ngày thứ một trăm ba mươi (130) đến ngày thứ một trăm hai mươi (120) trước ngày đáo hạn" sang "từ ngày giải ngân đến ngày đáo hạn".

(**) Ngày 11 tháng 1 năm 2016, Công ty ký kết hợp đồng vay chuyển đổi khác với Tân Liên Phát có giá trị là 598.400.000.000 VND và có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty. Hợp đồng vay này có thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với lãi suất ba tháng đầu tiên là 10%/năm và lãi suất các tháng tiếp theo bằng lãi suất huy động tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng được công bố trên cổng thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cộng với biên độ 5%/năm và tiền lãi sẽ được thanh toán mỗi kỳ hạn 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Công ty sử dụng các khoản vay này nhằm mục đích tái cơ cấu nợ và bổ sung vốn hoạt động. Công ty cấp cho Tân Liên Phát trên cơ sở không hủy ngang ("Quyền chuyển đổi") vào bất kỳ thời điểm nào trong khoảng thời gian từ ngày giải ngân đến ngày đáo hạn với mức giá chuyển đổi cố định là 22.000 VND/cổ phần.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02-16/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 7 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông đã giao cho Hội đồng Quản trị của Công ty sẽ đàm phán với Tân Liên Phát để thực hiện tiếp các Hợp đồng vay chuyển đổi (có giá trị 1.201.900.000.000 VND) đã được ký kết. Trong trường hợp các điều khoản khác so với Hợp đồng đã được ký kết và thông qua thì sẽ trình thông qua tại Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi, vay	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)	Tổng cộng	VND
Cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015								
Ngày 31 tháng 12 năm 2014								
Theo báo cáo năm trước	1.000.671.000.000	52.105.692.848	-	(4.640.000)	13.407.463.167	106.303.693.858	1.172.483.209.873	
Ánh hưởng của các điều chỉnh hồi tố	-	-	-	-	-	(147.683.427.655)	(147.683.427.655)	
Đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	-	-	-	
- Thuyết minh số 32	1.000.671.000.000	52.105.692.848	-	(4.640.000)	13.407.463.167	(41.379.733.797)	1.024.799.782.218	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	110.371.851.012	110.371.851.012	
Theo báo cáo năm trước	-	-	-	-	-	(8.811.144.055)	(8.811.144.055)	
Ánh hưởng của các điều chỉnh	-	-	-	-	-	-	-	
Đã điều chỉnh	-	-	-	-	-	101.560.706.957	101.560.706.957	
- Thuyết minh số 32	-	-	-	-	-	-	-	
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	1.000.671.000.000	52.105.692.848	-	(4.640.000)	13.407.463.167	60.180.973.160	1.126.360.489.175	
Cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016								
Ngày 31 tháng 12 năm 2015								
Theo báo cáo năm trước	1.400.939.400.000	51.798.842.848	6.743.618.619	(4.640.000)	16.176.475.297	188.238.149.766	1.663.891.846.530	
Ánh hưởng của các điều chỉnh hồi tố	-	-	-	-	-	(323.263.600.496)	(323.263.600.496)	
Đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	-	-	-	
- Thuyết minh số 32	1.400.939.400.000	51.798.842.848	6.743.618.619	(4.640.000)	16.176.475.297	(135.025.450.730)	1.340.628.246.034	
Tăng vốn (")	45.139.000.000	-	5.208.401.000	-	-	-	45.139.000.000	
Tăng vay chuyển đổi	-	-	-	-	-	-	5.208.401.000	
Lô thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	(969.008.176.599)	(969.008.176.599)	
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.446.078.400.000	51.798.842.848	11.952.019.619	(4.640.000)	16.176.475.297	(1.104.033.627.329)	421.967.470.435	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Cuối năm 2015, Công ty đã đệ trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") hồ sơ đăng ký phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi và đã được UBCKNN xác nhận vào ngày 29 tháng 1 năm 2016. Theo đó, Công ty đăng ký phát hành mới 4.513.900 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu để chào mua công khai cổ phiếu của các cổ đông không kiểm soát của Công ty Cổ phần Chè biển Gỗ Trường Thành, công ty con của Công ty, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-14/NQ-ĐHĐCD ngày 29 tháng 4 năm 2014 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03-15/NQ-ĐHĐCD ngày 16 tháng 11 năm 2015. Việc phát hành này đã được hoàn thành vào ngày 27 tháng 4 năm 2016, với tổng số cổ phiếu đã phát hành là 4.513.900 cổ phiếu và với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty đã tăng lên 1.446.078.400.000 VND, và đã được Sở Kế hoạch - Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 16 vào ngày 27 tháng 4 năm 2016.

21.2 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	144.607.840	140.093.940
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(464)	(464)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	144.607.376	140.093.476

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2015: 10.000 VND). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

21.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông

	<i>VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Vốn cổ phần đã góp			
Số đầu kỳ	1.400.939.400.000	1.000.671.000.000	-
Phát hành cổ phiếu mới	45.139.000.000		
Số cuối kỳ	<u>1.446.078.400.000</u>	<u>1.000.671.000.000</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 32)
Doanh thu bán nguyên liệu, thành phẩm, và hàng hóa	672.018.204.590	1.159.867.586.345
Doanh thu dịch vụ lắp đặt	73.197.019.034	61.625.008.016
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>365.222.887</u>	<u>17.739.655.890</u>
TỔNG CỘNG	745.580.446.511	1.239.232.250.251
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với các bên khác	479.035.053.348	1.033.993.543.948
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Lâm Nghiệp Minh Hoàng (*)	87.375.221.000	134.438.726.000
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng DLC (*)	57.255.155.000	316.008.080.321
- Công ty TNHH Tịnh Tiến Đăk Nông (*)	49.041.900.000	108.514.771.188
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nông Lâm nghiệp Trường Sơn (*)	20.599.600.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hà Sơn Hải (*)	16.030.400.000	39.967.285.000
- Các khách hàng khác	248.732.777.348	435.064.681.439
Doanh thu đối với các bên liên quan	266.545.393.163	205.238.706.303

(*) Doanh thu bán hàng cho nhóm khách hàng này có tổng số tiền là 230.302.276.000 VND trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 598.928.862.509 VND).

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lãi chênh lệch tỷ giá	17.829.793.846	847.090.811
Lãi cho vay	14.173.854.243	2.742.637.431
Lãi từ thanh lý đầu tư	3.655.220.969	3.452.120.000
Lãi tiền gửi	<u>1.515.938.567</u>	<u>1.384.125.963</u>
TỔNG CỘNG	37.174.807.625	8.425.974.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho (*)	931.037.161.562	-
Giá vốn nguyên liệu, thành phẩm và hàng hóa	600.776.891.778	1.061.414.948.908
Giá vốn dịch vụ lắp đặt	37.297.765.337	45.362.287.559
Giá vốn dịch vụ cung cấp	260.859.006	10.589.395.556
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>11.111.789.924</u>	-
TỔNG CỘNG	<u>1.580.484.467.607</u>	<u>1.117.366.632.023</u>

(*) Đây là khoản chênh lệch thiểu phát sinh sau khi Ban Giám đốc Công ty thực hiện kiểm kê toàn bộ hàng tồn kho trong tháng 6 năm 2016. Ban Giám đốc Công ty không thể xác định được thời điểm phát sinh khoản chênh lệch thiểu này là trong các kỳ kế toán trước hay trong kỳ báo cáo hiện hành. Vì vậy, Ban Giám đốc không thể xác định ảnh hưởng của khoản chênh lệch này đến từng kỳ kế toán. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh toàn bộ chênh lệch thiểu phát sinh vào giá vốn hàng bán trong kỳ theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

Việc ghi nhận khoản chênh lệch này sẽ được Công ty báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông bất thường theo Điều lệ của Công ty, dự kiến sẽ được tổ chức trong khoảng thời gian từ ngày 26 tháng 9 năm 2016 đến ngày 25 tháng 10 năm 2016 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15/2016/NQ-HĐQT ban hành ngày 22 tháng 8 năm 2016.

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 32)
Chi phí lãi vay	93.165.962.398	46.984.767.487
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	5.998.770.285	(5.568.728.129)
Được xóa lãi	-	(34.335.857.651)
Chi phí ngân hàng	1.341.025.389	573.381.630
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	<u>5.197.875.317</u>	<u>12.286.323.794</u>
TỔNG CỘNG	<u>105.703.633.389</u>	<u>19.939.887.131</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐÔ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Thu nhập khác	16.824.319.135	87.393.282.860
Thu nhập từ nợ gốc vay được xóa	14.403.026.433	86.358.568.962
Thanh lý tài sản	581.631.164	355.691.347
Phạt vi phạm	1.360.377.153	343.566.966
Thu nhập khác	479.284.385	335.455.585
Chi phí khác	(6.748.454.738)	(7.555.231.338)
Phạt vi phạm hợp đồng	(1.164.155.383)	(2.271.911.212)
Phạt chậm nộp thuế và bảo hiểm	(2.690.088.229)	(4.635.162.175)
Xóa sổ tài sản cố định	(2.654.332.706)	-
Chi phí khác	(239.878.420)	(648.157.951)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	10.075.864.397	79.838.051.522

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	VND
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Chi phí nhân công	4.039.895.000	2.953.469.140
Chi phí khấu hao và hao mòn	25.382.214	8.287.716
Chi phí công cụ, dụng cụ	60.017.974	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.204.944.426	5.766.235.549
Chi phí khác	498.172.765	385.424.814
TỔNG CỘNG	8.828.412.379	9.113.417.219

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 32)</i>
Chi phí nhân công	31.585.509.590	26.766.348.675
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.556.031.288	950.586.733
Công cụ, dụng cụ	1.972.461.752	630.192.170
Dự phòng các khoản phải thu	22.405.949.693	8.372.137.949
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.268.257.429	7.428.272.600
Chi phí khác	3.034.572.005	2.823.603.622
TỔNG CỘNG	66.822.781.757	46.971.141.749

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 32)</i>
Chi phí nguyên vật liệu	1.554.179.521.036	1.092.438.013.749
Chi phí nhân công	50.048.205.271	44.059.040.533
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	3.603.775.407	2.402.867.245
Chi phí dự phòng	33.517.739.617	8.372.137.949
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.707.176.823	10.791.640.904
Chi phí khác	8.079.243.589	15.387.490.611
TỔNG CỘNG	1.656.135.661.743	1.173.451.190.991

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế (lỗ thuế) của Công ty khác với lợi nhuận (lỗ) được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế (lỗ thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Dưới đây là bảng đối chiếu giữa lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế (lỗ thuế):

	VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 <i>(Đã điều chỉnh lại – Thuyết minh số 32)</i>
(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(969.008.176.599)	134.105.197.856	
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>			
Chi phí không được trừ	4.291.236.211	5.013.162.175	
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(15.673.444.343)	-	
Dự phòng trợ cấp thôi việc	(50.175.000)	209.375.000	
Dự phòng đầu tư tài chính	5.998.770.285	290.543.117	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11.111.789.924	-	
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	22.405.645.148	8.311.225.938	
Chi phí thiệt hại theo kết quả kiểm kê	931.037.161.562	-	
(Lỗ thuế) thu nhập chịu thuế ước tính chưa cần trừ lỗ năm trước	(9.887.192.812)	147.929.504.086	
Chi phí thuế TNDN ước tính	-	32.544.490.899	
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	32.976.239.051	20.385.138.513	
Cần trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào theo Quyết định số 3072/QĐ-CT ngày 13 tháng 6 năm 2016	(32.707.317.579)	-	
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	268.921.472	52.929.629.412	

29.2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do tính không chắc chắn của lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán:

Các chênh lệch tạm thời

	VND
Dự phòng phải thu khó đòi	256.361.724.582
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	138.038.944.505
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	59.488.510.265
Trợ cấp thôi việc phải trả	1.959.412.500
TỔNG CỘNG	455.848.591.852

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIỀN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần Chè biển Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)	Công ty con	Mua nguyên liệu Bán nguyên liệu Thuê nhà xưởng	260.719.000 80.674.550 25.692.000.000	218.366.823.050 41.983.297.678 31.587.900.099
Công ty Cổ phần Văn Công nghiệp Trường Thành	Công ty con	Mua nguyên liệu Bán nguyên vật liệu Bán tài sản cố định Cung cấp dịch vụ	117.505.971.776 88.899.073.532 -	135.243.833.195 68.279.260.554 330.000.000 83.378.472
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Mua nguyên liệu Bán hàng Bán nguyên liệu Cung cấp dịch vụ	189.188.081.293 -	165.234.127 877.648.000 7.005.682.601 68.500.059
Công ty Cổ phần Chè biển Gỗ Trường Thành (Đăk Lăk 2)	Công ty con	Mua nguyên liệu Nhận cung cấp dịch vụ Bán nguyên liệu Cung cấp dịch vụ	146.656.088.733 36.000.000 6.557.446.233 26.583.200	71.012.398.029 36.000.000 8.409.197.729 17.583.000
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty con	Lãi cho vay Nhận cung cấp dịch vụ	4.280.926.000 16.770.000.000	1.094.634.500 150.000.000
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh	Công ty con	Mua tài sản cố định Mua nguyên liệu	- 1.507.429.000	128.265.626

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

THUỶẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'Drak	Công ty con	Mua nguyên liệu Bán sản phẩm	9.350.339.793 16.450.000	5.945.759.576 47.307.000	
Công ty Cổ phần Công nghiệp Gỗ Trường Thành	Công ty con	Mua nguyên liệu Bán nguyên liệu Cung cấp dịch vụ	14.751.964.639 5.082.131.714 17.704.600	16.247.643.529 1.014.350.902	
Công ty Cổ phần Thương mại XNK Trường Thành Đăk Nông	Công ty con	Mua nguyên liệu Bán nguyên liệu Bán hàng hóa Lãi cho vay	70.519.371.084 32.838.560.000 93.547.818 184.294.662	141.820.212.116 36.824.367.273 122.218.048 183.282.054	
Công ty Cổ phần Trồng rừng Trường Thành	Công ty con				
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành Phước An	Công ty con	Lãi cho vay Bán sản phẩm	693.465.957 45.875.636	179.188.000	
Công ty Cổ phần Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	Công ty con	Cho vay	303.333.334		
Công ty TNHH Trồng Tưng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Lãi cho vay	2.395.091.904	636.076.232	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

BS09a-DN

THUỶ TẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Công ty liên kết	Thanh toán nợ gốc Trả lãi Lãi vay được xóa	32.455.205.020	1.190.000.000 1.611.893.200 7.676.359.459	-
Công ty Cổ phần Bảo bì Trường Thành	Công ty liên kết	Mua nguyên liệu Bán nguyên liệu Cung cấp dịch vụ	3.627.299.985 523.518.816 573.939.908	2.905.208.458 531.147.436	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vinpearl Phú Quốc	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	33.707.743.890	30.247.935.363	
Công ty TNHH Quản lý Xây dựng VinCom1	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	6.764.519.410	220.807.080	
Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	19.785.472.793	21.426.001.391	
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Địa Ốc Hoàng Gia	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	5.600.453.380	2.270.443.320	
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	1.377.777.263	1.941.153.467	
Công ty TNHH Quản lý Xây dựng VinCom2	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	3.099.569.308	-	
Công ty Cổ phần Vincom	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	1.758.546.416	-	
Công ty TNHH Vinpearl Bãi Dài	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	2.481.441.875	-	
Công ty TNHH Một Thành Viên Vinpearl Đà Nẵng	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	2.832.000	1.740.855.600	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

BS09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 6 năm 2015	VND
			Ngày 31 tháng 6 năm 2015	12 năm 2015	
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>					
Công ty Cổ phần Ván Công nghiệp Trường Thành	Công ty con	Bán hàng	101.666.341.345	141.822.317.792	
Công ty Cổ phần Thương mại XNK Trường Thành Đắk Nông	Công ty con	Bán hàng	53.243.012.243	97.223.988.180	
Công ty Cổ phần Chè biển Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)	Công ty con	Bán hàng	-	37.831.597.825	
Công ty Cổ phần Chè biển Gỗ Trường Thành M'Drak	Công ty con	Bán hàng	3.729.906.214	1.166.035.491	
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Trường Thành Đắk Nông	Công ty con	Bán hàng	195.806.154	146.854.854	
Công ty Cổ phần Trồng rừng Trường Thành	Công ty con	Bán hàng	-	388.878.614	
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty con	Bán hàng	985.095.081	672.289.581	
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành Phước An	Công ty con	Bán hàng	1.592.246.302	1.541.783.102	
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty liên kết	Bán hàng	-	284.349.320	
Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	8.145.172.934	3.006.481.963	
Công ty TNHH Một Thành Viên Vinpearl Phú Quốc	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	5.636.749.978	9.840.248.950	
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	3.867.426.555	2.711.441.358	
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Địa Ốc Hoàng Gia	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	2.892.259.838	4.211.620.166	
Công ty TNHH Quản lý Xây dựng VinCom1	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	2.771.596.939	21.463.673	
Công ty TNHH Một Thành Viên Vinpearl Đà Nẵng	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	1.743.687.600	1.740.855.600	
Công ty TNHH Vinpearl Hạ Long	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	1.278.752.788	1.373.949.368	
Công ty TNHH Quản lý Bất Động sản Vinhomes	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	1.094.251.700	-	
Công ty Cổ phần Vũ Tuần	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	1.090.700.384	2.155.237.364	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

ĐGNS&DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÈN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
			Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<i>Phải thu ngắn hạn của Khách hàng (tiếp theo)</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	758.903.195	554.490.132
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	226.259.117	-
Công ty TNHH Vinpearl Bai Dài	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	225.585.625	-
Công ty TNHH Vinpearl Bai Dài	Công ty mẹ	Dịch vụ lắp đặt	-	933.004.902
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	-	138.907.536
Công ty TNHH Quân lý Xây dựng VinCom2	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	-	-
Các khách hàng khác	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	45.111.792	53.562.409
			191.188.865.784	307.818.358.180
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Vũ Tuần	Bên liên quan	Mua hàng	7.469.045.737	973.582.955
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty con	Cho vay	81.719.000.000	64.949.000.000
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Cho vay	59.662.001.815	44.562.001.815
Công ty Cổ phần Chè biển Gỗ Trường Thành (Đắk Lăk 2)	Công ty con	Cho vay	62.329.000.000	39.329.000.000
Công ty Cổ phần Chè biển Gỗ Trường Thành M'Drak	Công ty con	Cho vay	6.370.000.000	4.700.000.000
Công ty Cổ phần Trồng rừng Trường Thành	Công ty con	Cho vay	5.283.172.288	5.283.172.288
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành Phước An	Công ty con	Cho vay	9.506.757.500	9.506.757.500
Công ty Cổ phần Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	Công ty con	Cho vay	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Cho vay	30.126.856.000	28.920.848.000
			259.996.787.603	202.250.779.603

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

E09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIỀN ĐÓ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 6 năm 2015	VND
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>					
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành (Đắk Lăk 2)	Công ty con	Cho mượn Lãi cho vay	12.000.000.000 5.379.145.223	12.000.000.000 2.346.630.334	
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Lãi cho vay	2.604.632.775	2.604.632.775	
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Trường Thành	Công ty con	Lãi cho vay	3.500.911.668	3.500.911.668	
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành Phước An	Công ty con	Lãi cho vay	1.962.401.740	1.962.401.740	
Công ty Cổ phần Trường rừng Trường Thành	Công ty con	Lãi cho vay	1.325.503.915	1.141.209.253	
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'Drak	Công ty con	Cho mượn Lãi cho vay	400.000.000 633.196.668	400.000.000 291.716.668	
Công ty Cổ phần Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	Công ty con	Lãi cho vay	5.000.000 308.333.334	5.000.000 14.649.000.000	
Công ty Cổ phần Văn Công nghiệp Trường Thành	Công ty con	Cho mượn	-	-	
Công ty Cổ phần Thương mại XNK Trường Thành Đăk Nông	Công ty con	Cho mượn Lãi cho vay	13.100.640 455.354.943	13.100.640 796.716.870	
Công ty TNHH Trường rừng Trường Thành OJI	Công ty liên doanh	Cho mượn	9.569.352	-	
Công ty TNHH Một Thành Viên Vinpearl Phú Quốc	Bên liên quan	Cho mượn	-	4.036.450.263	
Công ty Cổ phần Vũ Tuấn	Bên liên quan	Cho mượn	-	-	
			36.822.214.770	68.044.172.386	
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>					
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	Công ty mẹ	Dịch vụ lắp đặt	13.693.689.934	-	
Công ty Cổ phần Vincom	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	18.994.861	18.994.861	
Công ty TNHH Quản lý Bất Động sản Vinhomes	Bên liên quan	Dịch vụ lắp đặt	-	3.850.000	
			13.712.684.795	22.844.861	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

009a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIỀN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
		Nghệp vụ	VND	Nghệp vụ	VND
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>					
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh	Công ty con	Mua hàng	22.572.206.590	Mua hàng	20.974.936.190
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Mua hàng	11.709.800.830	-	-
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành (Đắk Lăk 2)	Công ty con	Mua hàng	8.709.842.980	33.536.369.788	
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)	Công ty con	Mua hàng	4.652.328.532	-	
Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	Công ty con	Mua hàng	2.465.314.817	2.969.578.815	
Công ty Cổ phần Công nghiệp Gỗ Trường Thành	Công ty con	Mua hàng	23.588.724	4.222.845.015	
Công ty Cổ phần Trồng rừng Trường Thành	Công ty con	Mua hàng	63.720.295	-	
Công ty Cổ phần Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	Công ty con	Mua hàng	179.588.175	230.051.375	
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJ	Công ty con	Mua hàng	7.538.515.055	7.608.978.255	
Công ty Cổ phần Bao bì Trường Thành	Công ty liên kết	Mua hàng	633.822.779	1.091.024.015	
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty liên kết	Mua hàng	92.261.480	-	
Công ty Cổ phần Vũ Tuấn	Bên liên quan	Mua hàng	1.093.976.728	110.524.816.277	
Công ty TNHH MTV Vinpearl Đà Nẵng	Bên liên quan	Mua hàng	-	165.000.000	
			59.734.966.985	181.323.599.730	
<i>Phải trả khác ngắn hạn</i>					
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)	Công ty con	Vay	59.964.320.000	5.270.000.000	
Công ty Cổ phần Trường Thành	Công ty con	Vay	1.967.850.000	27.000.000.000	
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh	Công ty con	Vay	1.338.493.106	3.408.493.106	
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành M'Drak	Công ty con	Vay	51.141.316	51.141.316	
Ông Võ Diệp Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Vay	-	3.401.000.000	
			63.321.804.422	39.130.634.422	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc:

	VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lương và thù lao	<u>504.000.000</u>	<u>818.000.000</u>	

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty đã có cam kết theo các hợp đồng thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản chi phí thuê văn phòng tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đến 1 năm	884.664.000	1.108.697.630	
Trên 1 – 5 năm	<u>2.432.826.000</u>	<u>2.900.898.000</u>	
TỔNG CỘNG	3.317.490.000		4.009.595.630

Cam kết bảo lãnh cho các khoản vay của bên khác

Ngày 20 tháng 4 năm 2015, Công ty ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2015/HTKD/TTF-DLC với Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng DLC ("DLC") về việc cùng hợp tác kinh doanh hàng ngoại thất xuất khẩu theo hợp đồng số TTF-CPS-01/15OUT mà Công ty đã ký với Cost Plus Management Services vào ngày 10 tháng 4 năm 2015 với giá trị là 3.519.149,4 USD. Theo đó, Công ty và DLC thống nhất một số nội dung chủ yếu như sau:

- DLC góp bằng tiền là 66.389.721.197 VND và được phân chia mức lợi nhuận cố định là 5.000.000.000 VND.
- Công ty sẽ góp bằng công nghệ, thương hiệu và hợp đồng TTF-CPS-01/15OUT và được phân chia phần lợi nhuận còn lại sau khi đã trừ đi mức lợi nhuận cố định của DLC. Trường hợp việc hợp tác kinh doanh bị lỗi Công ty sẽ gánh chịu toàn bộ.
- Công ty cam kết không hủy ngang trong bất kỳ trường hợp nào về việc bảo lãnh tất cả các khoản vay của DLC tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á – chi nhánh Bình Dương ("Viet A Bank").

Ngoài ra, theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 13-15/BBH-HĐQT ngày 17 tháng 8 năm 2015, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc bảo lãnh tất cả các khoản vay của DLC tại Viet A Bank với giá trị tối đa là 420.000.000.000 VND. Cam kết này của Công ty cũng đã được thể hiện trong Văn bản số 20/2015/PTC-NH ngày 22 tháng 5 năm 2015 gửi tới Ngân hàng Việt Á.

Ngày 5 tháng 8 năm 2016, Viet A Bank đã gửi thư mời đến Công ty để yêu cầu Công ty đưa ra phương án xử lý và giải quyết các vấn đề liên quan đến các khoản nợ vay đã quá hạn (Thuyết minh số 20.2) trong đó Viet A Bank đã đề cập đến khoản cho DLC vay với tổng số tiền gốc và lãi quá hạn lần lượt là 87.927.101.290 VND và 3.437.581.262 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty và Viet A Bank vẫn đang trong quá trình đàm phán các vấn đề liên quan đến các khoản nợ vay quá hạn và lãi quá hạn đã đề cập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. ĐIỀU CHÍNH SAI SÓT CỦA KỲ TRƯỚC VÀ PHÂN LOẠI LẠI

Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Ban Giám đốc đã điều chỉnh hồi tố các sai sót đối với một số khoản mục sau đây nhằm phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ trước của Công ty:

Chi phí lãi vay

Trong kỳ, Ban Giám đốc đã trích bổ sung chi phí lãi vay trích thiểu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền là 6.661.494.142 VND. Theo đó, Công ty ghi tăng khoản mục "Chi phí phải trả" tại 31 tháng 12 năm 2015 và khoản mục "Chi phí tài chính" cho năm tài chính kết thúc cùng ngày với cùng số tiền đã nêu.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Trong kỳ, Ban Giám đốc đã phân loại lại quyền sử dụng đất có tổng diện tích là 10.320 m² với giá trị là 33.500.000.000 VND từ khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" sang khoản mục "Hàng tồn kho" để phản ánh hợp lý hơn với mục đích sử dụng quyền sử dụng đất này. Theo đó, Công ty đã ghi tăng khoản mục "Hàng tồn kho" và ghi giảm khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 với cùng số tiền là 33.500.000.000 VND.

Đồng thời, Ban Giám đốc cũng trích lập dự phòng cho khoản lỗ với số tiền 11.500.000.000 VND do Công ty đã ký kết thỏa thuận và nhận chi phí bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất từ một bên khác đối với quyền sử dụng đất này (*Thuyết minh số 10*). Theo đó, Công ty ghi tăng khoản mục "Dự phòng giảm giá hàng tồn kho" và ghi giảm khoản mục "Lợi nhuận chưa phân phối" tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 với cùng số tiền là 11.500.000.000 VND.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

Trong kỳ, Ban Giám đốc đã đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty ghi tăng khoản mục "Phải thu ngắn hạn của khách hàng", khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác", và ghi tăng khoản mục "Thu nhập tài chính" cho năm tài chính kết thúc cùng ngày với các số tiền lần lượt là 10.970.533.230 VND, 361.762.424 VND và 11.332.295.654 VND.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Trong kỳ, Ban Giám đốc đã đánh giá lại khả năng thu hồi của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng các khoản phải thu khó đòi bằng cách ghi giảm khoản mục "Lợi nhuận chưa phân phối" và ghi tăng khoản mục "Dự phòng các khoản phải thu khó đòi" vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền lần lượt là 132.728.543.371 VND và 224.701.013.117 VND; và ghi tăng khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền là 91.972.469.746 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT CỦA KỲ TRƯỚC VÀ PHÂN LOẠI LẠI (tiếp theo)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Trong kỳ, Ban Giám đốc đã trích lập bổ sung dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động. Theo đó, Công ty ghi tăng khoản mục "Dự phòng phải trả dài hạn" và ghi giảm khoản mục "Lợi nhuận chưa phân phối" tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền lần lượt là 1.497.987.500 VND và 2.009.587.500 VND; và ghi tăng khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền là 511.600.000 VND.

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Trong kỳ, Ban Giám đốc đã đánh giá lại giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng đầu tư tài chính bằng cách ghi giảm khoản mục "Lợi nhuận chưa phân phối" và ghi tăng khoản mục "Dự phòng đầu tư tài chính" tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền lần lượt là 1.956.896.784, VND 89.723.801.391 VND; và ghi tăng khoản mục "Chi phí tài chính" cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền là 87.766.904.607 VND.

Vay chuyển đổi

Trong kỳ, Ban Giám đốc đã điều chỉnh lại sai sót trong việc phân loại khoản mục "Vay chuyển đổi" từ dài hạn sang ngắn hạn phù hợp với kỳ hạn đã ký kết đối với bên cho vay. Theo đó, Công ty đã ghi giảm khoản mục "Vay chuyển đổi dài hạn" và ghi tăng khoản mục "Vay chuyển đổi ngắn hạn" tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền là 598.656.595.251 VND.

Ảnh hưởng của các khoản mục được điều chỉnh hồi tố nêu trên đối với khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Lỗ lũy kế" được tóm tắt như sau:

VND

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được trình bày trước đây	106.303.693.858
<i>Ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố:</i>	
Trích bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.500.000.000)
Trích bổ sung dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(132.728.543.371)
Trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc	(1.497.987.500)
Trích bổ sung dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(1.956.896.784)</u>
Lỗ lũy kế sau điều chỉnh hồi tố	<u>(41.379.733.797)</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được trình bày trước đây	188.238.149.766
<i>Ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố:</i>	
Trích bổ sung chi phí lãi vay	(6.661.494.142)
Trích bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.500.000.000)
Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	11.332.295.654
Trích bổ sung dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(224.701.013.117)
Trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc	(2.009.587.500)
Trích bổ sung dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(89.723.801.391)</u>
Lỗ lũy kế sau điều chỉnh hồi tố	<u>(135.025.450.730)</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

BOSA-DN

32. ĐIỀU CHỈNH SAI SÓT CỦA KỲ TRƯỚC VÀ PHẦN LOẠI LẠI (tiếp theo)

Ngoài các điều chỉnh hồi tố nêu trên, mới vài dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ hiện tại. Ánh hưởng của các điều chỉnh hồi tố và phân loại lại được trình bày sau đây:

VND

Số liệu trước đây	Ánh hưởng của điều chỉnh hoặc phân loại lại	Số liệu trình bày lại
	Điều chỉnh hồi tố	Phân loại lại
Đảng cầm đầu Kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015		
Tài sản ngắn hạn		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	116.330.930.061	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	851.996.484.726	10.970.533.230
Phải thu ngắn hạn khác	93.687.196.568	361.762.424
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.908.860.109)	(224.701.013.117)
Tài sản thiểu chờ xử lý	585.022	-
Hàng tồn kho	1.410.470.421.397	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(36.876.720.341)	(11.500.000.000)
Tài sản dài hạn		
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(4.346.206.208)	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh đã đang dài hạn	78.756.299.992	-
Chi phí xây dựng cơ bản đã đang	39.748.328.280	-
Đầu tư vào công ty con	367.985.487.443	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	120.455.473.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	58.359.784.766	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(42.316.372.829)	(89.723.801.391)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.732.000.000	-
Chi phí trả trước dài hạn	59.596.356.108	-
Nợ phải trả ngắn hạn		
Phải trả người bán ngắn hạn	225.484.845.943	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	59.187.121.700	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	22.097.565.775	6.661.494.142
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	10.642.047.532	-
Vay ngắn hạn	673.767.577.914	598.656.595.251
		1.272.424.173.165

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. ĐIỀU CHÌNH SAI SÓT CỦA KỲ TRƯỚC VÀ PHÂN LOẠI LẠI (tiếp theo)

	Số liệu được trình bày trước đây	Ảnh hưởng của điều chỉnh hoặc phân loại lại	Số liệu trình bày lại
	Điều chỉnh hồi tố	Phân loại lại	
<i>Bảng căn đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>			
Nợ phải trả dài hạn	598.656.595.251	(598.656.595.251) - 2.009.587.500	- 2.009.587.500
Quyền chọn chuyển đổi vay Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-
Vốn chủ sở hữu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Lỗ lũy kế)	188.238.149.766	(323.263.600.496)	- (135.025.450.730)
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.239.420.308.411 (188.058.160)	(188.058.160)	1.239.232.250.251
Các khoản giảm trừ doanh thu	(188.058.160) (19.649.344.013)	(188.058.160) (290.543.118)	-
Chi phí tài chính	(38.450.540.811)	(38.450.540.811)	(19.939.887.131)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	142.916.341.911	(8.520.600.938)	(46.971.141.749)
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	110.371.851.012	(8.811.144.055)	134.105.197.856
Lợi nhuận sau thuế TNDN		(8.811.144.055)	101.560.706.957
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>			
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	142.916.341.911 (5.798.359.236)	(8.811.144.055) 8.811.144.055	- 134.105.197.856 3.012.784.819

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 22 tháng 8 năm 2016, theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 15/2016/NQ-HĐQT, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường với thời gian thực hiện dự kiến từ ngày 26 tháng 9 năm 2016 đến ngày 25 tháng 10 năm 2016 nhằm phê chuẩn việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị thay thế và các vấn đề khác theo thẩm quyền.

Ngoài sự kiện được nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Nguyễn Ngọc Lễ
Người lập

Nguyễn Tân Thủ
Kế toán trưởng



Võ Tuyết Hằng
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 8 năm 2016